

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

2. Ông Nguyễn Văn Sang

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thủy Tiên, là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/8/2018 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Khuru Văn C**, sinh năm 1986

Địa chỉ: X tổ Y, ấp A, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bi đơn: bà **Phạm Thị Yến N**, sinh năm 1991

Địa chỉ: X tổ Y, ấp A, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Z ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông Khuru Văn C trình bày: ông và bà Phạm Thị Yến N tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 27/4/2010. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng dần dần tình cảm phai nhạt do mỗi người có công việc làm riêng, không quan tâm đến nhau, đến cuối năm 2016 bà N bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay, ông có năn nỉ bà N về nhà để tiếp tục sống chung nhưng bà N không chịu về. Do không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: có 02 người con chung là Khuru Phạm Thế H1 (nam) sinh ngày 16/4/2011, Khuru Phạm Thế H2 (nam) sinh ngày 08/5/2013. Hiện tại 02 con chung đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Khuru Văn C và bà Phạm Thị Yến N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 27/4/2010 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 16/01/2018, ông C có đơn yêu cầu ly hôn với bà N, bà N đăng ký thường trú tại ấp A, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ (chỗ ở: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ). Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P nên Tòa án đã thụ lý vụ án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Phạm Thị Yến N tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/9/2018 và ngày 10/10/2018 nhưng bà N đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vụ án được đưa ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập cho bà N tham gia phiên tòa ngày 25/10/2018, ngày 12/11/2018 nhưng bà N vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo lời trình bày của ông C thì quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N không còn hạnh phúc, tình cảm yêu thương dần phai nhạt do thiếu sự quan tâm lẫn nhau. Cuối năm 2016 bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột, ông đã tìm cách hàn gắn nhưng bà N không đồng ý quay về tiếp tục chung sống. Thời gian ly thân kéo dài đến nay đôi bên cũng không còn liên hệ nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2016 đến nay vẫn không khắc phục được cho thấy quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng có tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[4] Về con chung, ông C, bà N có hai người con chung là Khuru Phạm Thế H1 (nam) sinh ngày 16/4/2011 và Khuru Phạm Thế H2 (nam) sinh ngày 08/5/2013. Ông C yêu cầu nuôi cả hai con chung, cháu Hiền cũng có nguyện vọng được sống với cha. Xét hai con chung từ nhỏ đã sống với ông C, khi giải quyết ly hôn bà N không có ý kiến về vấn đề hôn nhân hay có yêu cầu nuôi con

nên Hội đồng xét xử giao cháu H1 và H2 cho ông C nuôi dưỡng. Ông C không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, do chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, còn nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Khuru Văn C với bà Phạm Thị Yến N.

- *Về con chung*: giao Khuru Phạm Thế H1 (nam) sinh ngày 16/4/2011 và Khuru Phạm Thế H2 (nam) sinh ngày 08/5/2013 cho ông C nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông Khuru Văn C nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AB/2013/005483 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. P;
- THA H. P;

- UBND xã Giai Xuân;
- Lưu HS (2).

Liên Thị Hồng Hoa